

Số: **1883** /QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày **14** tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn
một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 5 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Dịch vụ Đô thị và quản lý nhà Quận 10 thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-UBND-TC ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ nhiệm Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-UBND-TC ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ nhiệm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10;

Xét đề nghị của Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 tại Công văn số 161/CV-TCHC ngày 13 tháng 01 năm 2011; ý kiến của Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp tại công văn số 46/TTr-ĐMDN ngày 21 tháng 01 năm 2011; ý kiến của Chi cục Tài chính doanh nghiệp thành phố tại Văn bản số 51/TCDN-CN ngày 29 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 gồm 14 Chương và 56 Điều do Giám đốc công ty làm người đại diện theo pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp, Giám đốc Sở Tài chính, Chi cục trưởng Chi Cục Tài chính doanh nghiệp, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Hội đồng thành viên và Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BCD ĐM&PTDN Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính
- Thường trực thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân;
- TTUB: CT, các PCT;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND;
- Ủy ban nhân dân quận 10
- TT. Ban Đổi mới QLDN TP;
- Cục Thuế thành phố;
- Viện Nghiên cứu Phát triển;
- Liên đoàn lao động thành phố;
- VPUB: các PVP;
- Phòng CNN (2), các Phòng Chuyên viên;
- Lưu: VT, (CNN-KH). L 53

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Tín



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1883 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2011
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, có hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyên đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 86/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về Quản lý lao động và tiền lương trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và căn cứ Thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Căn cứ Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Căn cứ Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Dịch vụ Đô thị và Quản lý nhà Quận 10 thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch Vụ Công ích Quận 10.

Các quy định của Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch Vụ Công ích Quận 10.



Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

Trong Điều lệ này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, có hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2006.

- “*Công ty*” là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10.

- “*Chủ sở hữu*” là Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

- “*Vốn Điều lệ của công ty*” là vốn do chủ sở hữu góp hoặc đầu tư tại công ty và được ghi vào Điều lệ công ty.

- “*Vốn chủ sở hữu*” bao gồm vốn chủ sở hữu góp vào công ty, các khoản lợi ích kinh tế do hoạt động kinh doanh của công ty mang lại.

- “*Lợi nhuận*” là tổng số tiền lãi thu được hàng năm từ hoạt động kinh doanh của công ty và hoạt động khác.

- “*Doanh nghiệp khác*” là Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật hợp tác xã, Luật Đầu tư.

- “*Người quản lý công ty*” là chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kiểm soát viên.

- “*Người liên quan*” là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 17, Điều 4, Luật Doanh nghiệp.

- “*Đơn vị phụ thuộc*” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc công ty.

Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên của công ty.

- Tên gọi đầy đủ của công ty bằng tiếng Việt:

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10.**

- Tên tiếng Anh:

DICTRICT 10 PUBLIC SERVICES COMPANY LIMITED

- Tên viết tắt là : **CÔNG TY CÔNG ÍCH QUẬN 10**

Điều 3. Trụ sở của công ty

- Địa chỉ: 466 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (08). 39574730 - 39574731 - 39574732

- Fax: (08). 3957 4745

Điều 4. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân của công ty.

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn Điều lệ của công ty.

4. Công ty hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh, được lập các quỹ theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Công ty có quyền sở hữu đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của mình theo quy định của pháp luật.

6. Công ty không được quyền phát hành cổ phần.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh.

1. Mục tiêu hoạt động của công ty.

Công ty tiếp tục phát triển các hoạt động, kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu đầu tư tại công ty, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động, hoàn thành các nhiệm vụ do chủ sở hữu giao.

2. Ngành nghề kinh doanh của công ty:

Quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng theo phân cấp quản lý và chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao. Quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước, thực hiện mua bán nhà. Sửa chữa, xây dựng hạ tầng và công trình dân dụng. Kinh doanh cây - hoa kiểng. Tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu xây dựng, sửa chữa các công trình hạ tầng, công trình dân dụng, công nghiệp. Đầu tư, khai thác và quản lý chợ. Sửa chữa, xây dựng các công trình giao thông và đô thị, kho bãi, xây dựng dân dụng và công nghiệp. San lấp mặt bằng. Trang trí nội thất. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Xây dựng, kinh doanh nhà ở. Đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (không hoạt động tại trụ sở). Tháo dỡ các công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn và kinh doanh bất động sản. Lập dự toán công trình. Bán buôn máy vi tính, thiết bị và phụ tùng máy khác. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; thiết bị liên lạc; thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng; thiết bị, đồ dùng gia đình (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; thu gom rác thải độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải y tế; tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở). Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi). Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động liên

quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ. Hoạt động của các bến, bãi ô tô (không hoạt động tại trụ sở), điểm bốc xếp hàng hóa; hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy; lai dắt, cứu hộ đường bộ; hóa lỏng khí để vận chuyển. Quảng cáo. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu: cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: động cơ, dụng cụ máy, thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, thiết bị sản xuất điện ảnh, thiết bị đo lường và điều khiển, máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học. Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không có người điều khiển: mô tô, xe lưu động, cắm trại, động cơ tàu hỏa. Cho thuê thiết bị vận tải đường thủy không kèm người điều khiển: thuyền và tàu thương mại. Cho thuê thiết bị vận tải hàng không không kèm người điều khiển: máy bay, khinh khí cầu. Cho thuê container. Cho thuê pallet. Cho thuê động vật (như vật nuôi, ngựa đua). Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp: việc cung cấp các nhân viên đáp ứng dịch vụ tổng hợp theo yêu cầu của khách hàng. Như làm sạch thông thường bên trong, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, bảo vệ, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan hoặc không chịu trách nhiệm đến công việc hoặc hoạt động chính của khách hàng. Vệ sinh chung nhà cửa. Vệ sinh nhà cửa và các công trình. Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Tổ chức hội chợ triển lãm. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế nội - ngoại thất công trình.

Điều 7. Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong công ty.

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị xã hội khác trong công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8. Vốn điều lệ của công ty.

1. Vốn Điều lệ của công ty là 39.556.000.000 đồng (Ba mươi chín tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu đồng)

2. Vốn Điều lệ của công ty bao gồm: vốn do chủ sở hữu góp vào công ty và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 9. Điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ.

1. Trong quá trình kinh doanh, chủ sở hữu công ty có quyền quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ. Khi tăng vốn điều lệ, trình tự, thủ tục tăng vốn điều lệ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Công ty phải điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán và phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh. Nguồn bổ sung vốn điều lệ bao gồm:

- Chủ sở hữu công ty đầu tư thêm (nếu có);
- Lợi nhuận sau thuế của công ty;
- Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải đăng ký chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thành viên mới cam kết góp vốn vào công ty.

2. Công ty không được giảm vốn điều lệ.

Điều 10. Tên và địa chỉ chủ sở hữu công ty.

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là chủ sở hữu của công ty.

2. Địa chỉ trụ sở và số điện thoại của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ trụ sở: Số 86 đường Lê Thánh Tôn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (08) 3.8291054 - (08) 3.8291055.

- Fax: (04-8) 3.8295675 - 3.8296988.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ trong sản xuất, kinh doanh.

1. Công ty có quyền:

a) Tự chủ sản xuất kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của công ty.

b) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

c) Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ của công ty; trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá.

d) Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

đ) Tuyển, thuê và sử dụng lao động, đào tạo lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh; lựa chọn hình thức trả lương, thưởng theo quy định của pháp luật.

e) Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

f) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo.

g) Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ:

a) Đăng ký kinh doanh và tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; bảo đảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ theo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký.

b) Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, chiến lược phát triển của công ty trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

c) Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, vật tư, lao động, đơn giá tiền lương áp dụng trong công ty nhằm bảo đảm hiệu quả sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Thực hiện các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn lao động, bảo vệ an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

đ) Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; Thực hiện đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm.

e) Tôn trọng việc thành lập và hoạt động của các Tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị - xã hội trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

f) Thực hiện đầy đủ chế độ thống kê theo quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tình hình tài chính của công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó.

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp có sản xuất, cung ứng các sản phẩm dịch vụ công ích:

a) Được hạch toán và bù đắp chi phí theo giá thực hiện thầu hoặc thu phí sử dụng dịch vụ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Được bảo đảm thời hạn sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thích hợp để thu hồi vốn đầu tư và có lãi hợp lý.

c) Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

d) Bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi như nhau cho mọi đối tượng khách hàng.

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung ứng.

f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ về vốn, tài sản, quản lý tài chính.

1. Vốn và tài sản của công ty:

a) Vốn của công ty bao gồm: Vốn do chủ sở hữu công ty đầu tư tại công ty, vốn do công ty tự huy động và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

b) Giá trị quyền sử dụng đất được tính vào vốn của công ty theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Tài sản của công ty bao gồm: tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn), tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác và chi sự nghiệp), được hình thành từ vốn Điều lệ của công ty, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do công ty quản lý sử dụng.

2. Công ty có quyền:

a) Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của công ty để kinh doanh và thực hiện các lợi ích hợp pháp khác.

b) Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

c) Định đoạt vốn và tài sản của công ty theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tài chính của công ty và Điều lệ này.

d) Sử dụng vốn và tài sản của công ty để đầu tư ra ngoài công ty dưới các hình thức theo quy định của pháp luật và phân cấp của chủ sở hữu công ty và bảo đảm nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của công ty.

3. Công ty có nghĩa vụ:

a) Bảo toàn và phát triển vốn do chủ sở hữu công ty đầu tư tại công ty và vốn do công ty huy động; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số tài sản của công ty.

b) Chịu trách nhiệm dân sự bằng toàn bộ tài sản của công ty và trách nhiệm tương ứng với các khoản đầu tư ra ngoài công ty.

c) Định kỳ kiểm kê, đánh giá lại tài sản của công ty theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, chế độ thống kê theo quy định của pháp luật.

đ) Căn cứ chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước do chủ sở hữu giao, công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp trình chủ sở hữu công ty phê duyệt.

e) Định kỳ báo cáo tình hình tài chính của công ty với chủ sở hữu công ty và các cơ quan Nhà nước có liên quan, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này; tổ chức thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, công khai tình hình tài chính của công ty theo quy định của pháp luật.

f) Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

g) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của công ty theo quy định của pháp luật.

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác về vốn, tài sản và quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Việc huy động, sử dụng bảo toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy chế tài chính của công ty.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 13. Quyền của chủ sở hữu công ty.

1. Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.
3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý công ty (Hội đồng thành viên công ty; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên).
4. Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của công ty tại thời điểm gần nhất.
5. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
6. Thông qua hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của công ty tại thời điểm gần nhất.
7. Quyết định mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của công ty tại thời điểm gần nhất.
8. Quyết định tăng vốn Điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác.
9. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.
10. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty, hoạt động quản lý của Hội đồng thành viên công ty theo quy định của pháp luật.
11. Quyết định sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty.
12. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty.
13. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.
14. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 14. Hạn chế quyền của chủ sở hữu công ty.

1. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn ra khỏi công ty bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn Điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

Trường hợp chuyển nhượng một phần vốn Điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác, công ty phải đăng ký chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày chuyển nhượng.

2. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 15. Nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty.

1. Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ của công ty.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty.

Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty bao gồm: Hội đồng thành viên, Giám đốc và (các) Kiểm soát viên.

Điều 17. Tổ chức bộ máy của công ty

Tổ chức bộ máy của công ty gồm: Hội đồng thành viên, Giám đốc và các Phó Giám đốc; (các) Kiểm soát viên; Kế toán trưởng; các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc, phụ thuộc công ty.

Điều 18. Hội đồng thành viên.

1. Hội đồng thành viên gồm các thành viên, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ cụ thể và chế độ làm việc của Hội đồng thành viên đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 19. Thành viên Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên có các thành viên chuyên trách và không chuyên trách. Số lượng thành viên từ 03 đến 07 người.

2. Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau đây:

a) Thường trú tại Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải là công dân Việt Nam;

b) Tốt nghiệp đại học và có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Không là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên;

c) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các điểm b, c, đ, e, g khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên không quá 5 năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

4. Thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm và được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế do Điều lệ công ty quy định; trong trường hợp này Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên có quyền đề nghị chủ sở hữu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng thành viên;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Xin từ chức;

d) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

đ) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

e) Khi công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do chủ sở hữu giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu chấp nhận;

f) Các trường hợp khác theo quyết định của chủ sở hữu công ty.

5. Các thành viên Hội đồng thành viên phải cùng chịu trách nhiệm trước người ra quyết định bổ nhiệm và pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên gây thiệt hại cho công ty và chủ sở hữu công ty, trừ thành viên biểu quyết không tán thành quyết định này; thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Luật Doanh nghiệp.

6. Chế độ làm việc của Hội đồng thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thành viên.

Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên tại khoản 1 Điều 68 Luật Doanh nghiệp được quy định như sau:

1. Xây dựng và quyết định chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty; quyết định phương án phối hợp kinh doanh của các đơn vị thành viên do công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối (nếu có) thông qua việc sử dụng quyền chi phối của công ty tại các doanh nghiệp này.

2. Quyết định việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường và công nghệ; phân công chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ giữa công ty với các doanh nghiệp thành viên (nếu có); các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

3. Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con do công ty mẹ nắm 100% vốn điều lệ; các đơn vị trực thuộc công ty mẹ; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty mẹ ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá giá trị vốn điều lệ của công ty.

5. Quyết định cơ cấu tổ chức, phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý nội bộ Công ty, biên chế bộ máy quản lý.

6. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc công ty. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương và lợi ích khác đối với các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty theo đề nghị của Giám đốc. Trường hợp các chức danh do chủ sở hữu bổ nhiệm phải có ý kiến của chủ sở hữu.

7. Cử người đại diện phần vốn góp của công ty ở doanh nghiệp khác theo đề nghị của Giám đốc.

8. Quyết định những vấn đề quan trọng sau đối với các công ty con:

a) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty làm chủ sở hữu: quyết định việc áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý Hội đồng thành viên hay chủ tịch công ty; số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và mức thù lao hoặc lương đối với thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên; phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh, việc điều chỉnh vốn điều lệ, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu công ty; phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty;

b) Đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần hoặc phần vốn góp chi phối của công ty: chỉ đạo người đại diện của công ty sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết trong việc quyết định phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên; huy động thêm cổ phần, vốn góp; phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của công ty;

c) Đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp: phê duyệt quy chế hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp.

9. Kiểm tra, giám sát Giám đốc công ty; chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty làm chủ sở hữu và người đại diện phần vốn góp của công ty ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ.

10. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty; báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty.

11. Quyết định của Hội đồng thành viên về các vấn đề sau đây phải được chủ sở hữu chấp thuận:

a) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty; danh mục đầu tư, các ngành nghề kinh doanh chính và các ngành nghề không có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính; việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh chính của công ty; những ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao;

b) Phê duyệt các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trên mức quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Phê duyệt các phương án huy động vốn trên mức quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Các quyết định quy định tại khoản 3 Điều này; góp vốn đầu tư vào công ty khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;

đ) Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

e) Phê duyệt báo cáo quyết toán; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

f) Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty;

g) Quyết định bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc;

h) Quyết định dự án đầu tư ra ngoài công ty:

- Hội đồng thành viên quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty trong phạm vi tổng giá trị đầu tư tài chính của công ty thấp hơn 50% vốn điều lệ hoặc theo phân cấp tại Điều lệ công ty; Đối với dự án đầu tư có giá trị từ 50% vốn điều lệ trở lên, công ty báo cáo chủ sở hữu quyết định.

- Chủ sở hữu công ty quyết định việc góp vốn liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài; đầu tư hoặc góp vốn đầu tư thành lập công ty ở nước ngoài; quyết định việc mua công ty thuộc thành phần kinh tế khác; đầu tư ra bên ngoài của công ty được thiết kế thực hiện chủ yếu, thường xuyên, ổn định các sản phẩm, dịch vụ công ích; quyết định các dự án đầu tư tài chính khác còn lại không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên.

12. Tổ chức thực hiện các quyết định được chủ sở hữu công ty chấp thuận.

13. Báo cáo chủ sở hữu công ty kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

14. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu công ty và pháp luật về thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của mình và về sự phát triển của công ty theo mục tiêu, nhiệm vụ chủ sở hữu giao hoặc hợp đồng quản lý công ty.

Trường hợp để công ty thua lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hoặc không thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ chủ sở hữu giao hoặc chỉ tiêu tại hợp đồng quản lý công ty mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu chấp nhận thì tùy theo mức độ, sẽ bị cách chức hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Chủ tịch Hội đồng thành viên.

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty chỉ định trong số các thành viên Hội đồng thành viên.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên thực hiện các quyền, nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Doanh nghiệp; và các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ công ty; có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc chậm trễ hoặc không ký các quyết định của Hội đồng thành viên.

3. Trường hợp chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt quá 30 ngày ở Việt Nam thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Hội đồng thành viên công ty.

Điều 22. Triệu tập Hội đồng thành viên.

1. Hội đồng thành viên công ty họp ít nhất 01 lần/tháng để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Hội đồng thành viên công ty được triệu tập họp bất cứ khi nào theo yêu cầu của chủ tịch Hội đồng thành viên công ty để giải quyết những vấn đề cấp bách của công ty hoặc có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên công ty đề nghị.

3. Cuộc họp của Hội đồng thành viên công ty phải được tổ chức tại trụ sở chính của công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên công ty. Thành viên Hội đồng thành viên công ty có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân.
- Nội dung kiến nghị đưa vào họp.
- Lý do kiến nghị.

Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên công ty nếu kiến nghị có đầy đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của công ty chậm nhất một ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên công ty; trường hợp kiến nghị được đệ trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp đồng ý.

5. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên công ty có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, telex hoặc các phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên công ty. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên Hội đồng thành viên công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, thông qua phương hướng

phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty phải được gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên công ty chậm nhất hai ngày làm việc trước ngày họp.

Trường hợp chủ tịch Hội đồng thành viên công ty không triệu tập họp Hội đồng thành viên công ty theo yêu cầu của số thành viên theo quy định theo khoản 2 Điều này; trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên công ty. Trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc tổ chức và tiến hành họp Hội đồng thành viên công ty.

Điều 23. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên.

1. Cuộc họp của Hội đồng thành viên công ty họp lệ và chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên dự họp. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau. Hội đồng thành viên công ty có thể thông qua quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Thủ tục thông qua quyết định của hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại điều 54 Luật Doanh nghiệp.

2. Quyết định của Hội đồng thành viên công ty được thông qua và có hiệu lực khi có hơn một nửa (1/2) số thành viên dự họp chấp thuận. Trừ các trường hợp sau phải được ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên dự họp chấp thuận: việc đề nghị sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; tổ chức lại Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty.

Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty. Thành viên Hội đồng thành viên công ty có quyền bảo lưu ý kiến của mình nhưng phải thực hiện theo quyết định của Hội đồng thành viên công ty. Quyết định của Hội đồng thành viên công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được thông qua trừ trường hợp chủ sở hữu công ty có ý kiến khác.

3. Nội dung các cuộc họp của Hội đồng thành viên công ty (các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định của Hội đồng thành viên công ty thông qua và kết luận của các cuộc họp Hội đồng thành viên công ty...) phải được ghi vào biên bản họp của Hội đồng thành viên công ty. Biên bản họp của Hội đồng thành viên công ty phải làm xong và thông qua khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Mục đích, chương trình, thời gian và địa điểm họp.
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết. Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên và từng vấn đề thảo luận.
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với vấn đề biểu quyết.
- Các quyết định được thông qua.
- Họ, tên, chữ ký của các thành viên dự họp.

